

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Sư phạm Ngữ văn**  
Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Ngành đào tạo: **Sư phạm Ngữ văn (Language Teacher Training)**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQB ngày tháng năm  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn thuộc khối ngành Sư phạm có kiến thức vững vàng về khoa học Ngữ văn và khoa học giáo dục, có kỹ năng sư phạm; đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về khoa học Ngữ văn và khoa học giáo dục. Có kiến thức chuyên sâu ở mức độ nhất định để có thể tiếp tục học tập ở trình độ đào tạo cao hơn thuộc chuyên ngành: Văn học dân gian, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Lý luận ngôn ngữ, Phương pháp dạy học Ngữ văn, Phương pháp dạy học tiếng Việt, Văn hoá học...

##### 1.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng sư phạm, vận dụng tốt phương pháp dạy học chung và phương pháp dạy học Ngữ văn; thực hiện yêu cầu đổi mới nội dung, hình thức tổ chức dạy – học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phổ thông. Có kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu về chất lượng của sự nghiệp giáo dục cũng như đòi hỏi ngày càng cao của xã hội.

##### 1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên có năng lực tự chủ, tự học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo yêu cầu của bản thân và xã hội; có trách nhiệm đối với bản thân cũng như cộng đồng.

### 2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành xong chương trình, sinh viên ĐHSPT Ngữ văn có khả năng: nghiên cứu khoa học chuyên ngành Văn học, Ngôn ngữ, không ngừng nâng cao kỹ năng sư phạm và trình độ chuyên môn để giảng dạy tốt môn Ngữ văn ở trường THPT và các cơ sở đào tạo khác tương đương; có khả năng sư phạm về trình bày và diễn đạt, tổ chức và làm việc theo nhóm hiệu quả; có hiểu biết về nhà trường, môi trường và xã hội. Có thể làm cán bộ theo dõi và quản lý chuyên môn cho Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT và các cơ quan chuyên môn tương đương; hoặc làm công tác nghiên cứu Văn học, Ngôn ngữ tại các viện, các trung tâm, các cơ quan đoàn thể xã hội khác có nhu cầu sử dụng (hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; theo dõi và quản lý hoạt động văn hoá, văn học, ngôn ngữ...)

Sử dụng được các công cụ hỗ trợ (Tin học Trình độ B) và Ngoại ngữ (Tiếng Anh bậc 3 khung 6 bậc tương đương với B1) cho nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn.

### 3. Thời gian đào tạo: 4 năm

**4. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 135 tín chỉ (*chưa kể giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất*)

### 5. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.

### 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được quy định tại Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư 57.

### 7. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được quy định tại Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư 57.

### 8. Nội dung chương trình

#### 8.1. Kiến thức chung

**27 Tín chỉ**

(*Chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*)

| TT | Tên học phần                                   | Số TC      |
|----|--|------------|
| 1  | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin | 5          |
| 2  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | 2          |
| 3  | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | 3          |
| 4  | Pháp luật đại cương                            | 2          |
| 5  | Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành   | 2          |
| 6  | Lịch sử văn minh thế giới                      | 2          |
| 7  | Ngoại ngữ (chọn Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung)    | 7          |
| 8  | Tin học  | 2          |
| 9  | <i>Giáo dục thể chất (không tính)</i>          | <b>4TC</b> |
| 10 | <i>Giáo dục quốc phòng(không tính)</i>         | <b>8TC</b> |
|    | <b>Tổng số tín chỉ toàn khối</b>               | <b>25</b>  |

#### 8.2. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm

**31 Tín chỉ**

|    |  |   |
|----|--|---|
| 1  | Tâm lý học   | 3 |
| 2  | Giáo dục học   | 3 |
| 3  | Phương pháp nghiên cứu khoa học                        | 2 |
| 4  | Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 1               | 3 |
| 5  | Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2               | 3 |
| 6  | Phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông | 2 |
| 7  | Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn                    | 2 |
| 8  | Đánh giá trong dạy học Ngữ văn                         | 2 |
| 9  | Thực hành dạy học                                      | 3 |
| 10 | Kiểm tập sư phạm                                       | 2 |
| 11 | Thực tập sư phạm                                       | 6 |

|                                  |           |
|----------------------------------|-----------|
| <b>Tổng số tín chỉ toàn khối</b> | <b>31</b> |
|----------------------------------|-----------|

### 8.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

**79 Tín chỉ**

|    |  |           |
|----|--|-----------|
|    | <b>Học phần bắt buộc</b>   | <b>64</b> |
|    | <i>Kiến thức cơ sở</i>   | <b>8</b>  |
| 1  | Cơ sở văn hóa Việt Nam   | 2         |
| 2  | Mỹ học đại cương   | 2         |
| 3  | Dẫn luận ngôn ngữ học  | 2         |
| 4  | Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm                                      | 2         |
|    | <i>Kiến thức chuyên ngành</i>                                      | <b>56</b> |
| 5  | Nguyên lý lý luận văn học  | 2         |
| 6  | Tác phẩm văn học và thể loại văn học                               | 2         |
| 7  | Tiến trình văn học   | 2         |
| 8  | Văn học dân gian Việt Nam  | 3         |
| 9  | Văn học Việt Nam Trung đại I (thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII)        | 3         |
| 10 | Văn học Việt Nam Trung đại II (từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX) | 3         |
| 11 | Văn học Việt Nam hiện đại I (từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930)        | 2         |
| 12 | Văn học Việt Nam hiện đại II (từ 1930 đến 1945)                    | 3         |
| 13 | Văn học Việt Nam hiện đại III (từ 1945 đến 1975)                   | 3         |
| 14 | Văn học Việt Nam hiện đại IV (từ 1975 đến nay)                     | 2         |
| 15 | Văn học Trung Quốc   | 3         |
| 16 | Văn học Ấn Độ - Nhật Bản   | 3         |
| 17 | Văn học Nga  | 2         |
| 18 | Văn học phương Tây 1   | 3         |
| 19 | Văn học phương Tây 2   | 3         |
| 20 | Ngữ âm Tiếng Việt  | 2         |
| 21 | Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt                                     | 2         |
| 22 | Ngữ pháp tiếng Việt  | 3         |
| 23 | Văn bản tiếng Việt   | 2         |
| 24 | Phong cách học tiếng Việt  | 2         |
| 25 | Ngữ dụng học   | 2         |
| 26 | Văn bản Hán Nôm  | 3         |
| 27 | Thực tế chuyên môn   | 1         |
|    | <b>Tổng</b>  | <b>64</b> |
|    | <b>Học phần tự chọn</b>  | <b>27</b> |
| 1  | Ngữ pháp chức năng   | 2         |
| 2  | Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ văn ở THPT                      | 2         |
| 3  | Văn học nước ngoài ở nhà trường THPT                               | 2         |
| 4  | Tiếng Việt ở trường phổ thông                                      | 2         |
| 5  | Hoạt động giao tiếp và giao tiếp tiếng Việt                        | 2         |
| 6  | Thi pháp học   | 2         |
| 7  | Thi pháp thơ Đường   | 2         |
| 8  | Thi pháp tiểu thuyết phương Tây                                    | 2         |
| 9  | Tiếp nhận văn học  | 2         |
| 10 | Đặc trưng truyện ngắn Anh Mỹ                                       | 2         |
| 11 | <b>Khóa luận TN hoặc các học phần thay thế KLTN</b>                | <b>7</b>  |

|  |   |            |
|--|---|------------|
|  | Văn học VN và thế giới– những tác giả, tác phẩm tiêu biểu | 4          |
|  | Ngôn ngữ và văn chương                                    | 3          |
|  | <b>Tổng</b>   | <b>27</b>  |
|  | <b>Tổng số tín chỉ toàn khối</b>                          | <b>91</b>  |
|  | <b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>                          | <b>135</b> |
|  | <b>Tổng số tín chỉ bắt buộc</b>                           | <b>120</b> |
|  | <b>Tổng số tín chỉ tự chọn (chọn 15/27 tín chỉ)</b>       | <b>15</b>  |

## 9. Kế hoạch giảng dạy

| TT  | Tên học phần   | Số TC     |
|---|--|-----------|
| <i>Giáo dục quốc phòng-An ninh (giảng dạy tập trung theo đợt)</i> |  |           |
| <b>Học kỳ I</b>   |  | <b>18</b> |
| 1   | Tâm lý học   | 3         |
| 2   | Pháp luật đại cương  | 2         |
| 3   | Cơ sở văn hoá Việt Nam   | 2         |
| 4   | Ngoại ngữ 1  | 2         |
| 5   | Tin học  | 2         |
| 6   | Lịch sử văn minh thế giới  | 2         |
| 7   | Dẫn luận ngôn ngữ  | 2         |
| 8   | Mỹ học đại cương   | 2         |
| 9   | <i>Giáo dục thể chất 1</i>   | 1         |
| <b>Học kỳ II</b>  |  | <b>17</b> |
| 1   | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin                     | 2         |
| 2   | Ngoại ngữ 2  | 2         |
| 3   | Giáo dục học   | 3         |
| 4   | Văn học dân gian Việt Nam  | 3         |
| 5   | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                    | 2         |
| 6   | Nguyên lý lý luận văn học  | 2         |
| 7   | <i>Tự chọn 1</i>   | 2         |
| 8   | <i>Giáo dục thể chất 2</i>   | 1         |
| <b>Học kỳ III</b>   |  | <b>17</b> |
| 1   | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin                     | 3         |
| 2   | Ngoại ngữ 3  | 3         |
| 3   | Văn học Việt Nam Trung đại I (thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII)        | 3         |
| 4   | Văn học Trung Quốc   | 3         |
| 5   | Ngữ âm Tiếng Việt  | 2         |
| 6   | Tác phẩm văn học và thể loại văn học                               | 2         |
| 7   | <i>Giáo dục thể chất 3</i>   | 1         |
| <b>Học kỳ IV</b>  |  | <b>17</b> |
| 1   | Tư tưởng Hồ Chí Minh   | 2         |
| 2   | Văn học Việt Nam Trung đại II (từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX) | 3         |
| 3   | Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt                                     | 2         |
| 4   | Văn học Việt Nam hiện đại I (từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930)        | 2         |
| 5   | Văn học phương Tây 1   | 3         |
| 6   | Tiến trình văn học   | 2         |
| 7   | Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm                                      | 2         |

|                    |  |           |
|--------------------|--|-----------|
| 8                  | <i>Giáo dục thể chất 4</i>                             | 1         |
| <b>Học kỳ V</b>    |  | <b>17</b> |
| 1                  | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam         | 3         |
| 2                  | Văn học Việt Nam hiện đại II (từ 1930 đến 1945)        | 3         |
| 3                  | Ngữ pháp tiếng Việt                                    | 3         |
| 4                  | Văn học Ấn Độ - Nhật Bản                               | 3         |
| 5                  | Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 1               | 3         |
| 6                  | Kiến tập sư phạm                                       | 2         |
| <b>Học kỳ VI</b>   |  | <b>18</b> |
| 1                  | Phong cách học tiếng Việt                              | 2         |
| 2                  | Văn học Việt Nam hiện đại III (từ 1945 đến 1975)       | 3         |
| 3                  | Văn bản tiếng Việt                                     | 2         |
| 4                  | Văn học phương Tây 2                                   | 3         |
| 5                  | Văn bản Hán Nôm  | 3         |
| 6                  | Phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông | 2         |
| 7                  | <i>Tự chọn 2</i>                                       | 2         |
| 8                  | Thực tế chuyên môn                                     | 1         |
| <b>Học kỳ VII</b>  |  | <b>18</b> |
| 1                  | Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2               | 3         |
| 2                  | Văn học Việt Nam hiện đại IV (từ 1975 đến nay)         | 2         |
| 3                  | Văn học Nga  | 2         |
| 4                  | Ngữ dụng học   | 2         |
| 5                  | Thực hành dạy học                                      | 3         |
| 6                  | Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn                    | 2         |
| 7                  | <i>Tự chọn 3</i>                                       | 2         |
| 8                  | <i>Tự chọn 4</i>                                       | 2         |
| <b>Học kỳ VIII</b> |  | <b>17</b> |
| 1                  | Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành           | 2         |
| 2                  | Đánh giá trong dạy học Ngữ văn                         | 2         |
| 3                  | Thực tập sư phạm                                       | 6         |
| 4                  | Khóa luận TN hoặc các học phần thay thế KLTN           | 7         |

## **10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**

### **10.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin** **5 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học được ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về chương trình các môn lý luận trình độ đại học, cao đẳng cho sinh viên không chuyên Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Lý thuyết: 53 tiết      Thực hành: 22 tiết

### **10.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh** **2TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học được ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 18/9/2008, về chương trình các môn lý luận trình độ đại học, cao đẳng cho sinh viên không chuyên Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **10.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam** **3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học được ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ- BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 18/9/2008, về chương trình các môn lý luận trình độ đại học, cao đẳng cho sinh viên không chuyên Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

#### **10.4. Pháp luật đại cương**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Ngoài ra học phần còn bao gồm những kiến thức về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

#### **10.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

Lý thuyết 25 tiết      Thực hành 05 tiết

#### **10.6. Tâm lý học**

**3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Triết học Mác- Lênin

Nội dung học phần bao gồm kiến thức khái quát về khoa học tâm lý; nguồn gốc, bản chất và các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của các hiện tượng tâm lý người; Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm cung cấp những kiến thức lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các giai đoạn lứa tuổi, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh phổ thông; cơ sở tâm lý học của các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và nhân cách người giáo viên ở trường phổ thông.

Lý thuyết 35 tiết      Thực hành 10 tiết

#### **10.7. Giáo dục học**

**3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lý học

Nội dung môn học bao gồm những vấn đề cơ bản, đại cương về khoa học giáo dục, vai trò của giáo dục và các yếu tố đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; mục đích, mục tiêu giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân và người giáo viên trung học và những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học và lý luận giáo dục; các đặc điểm của quá trình dạy học và giáo dục ở trường phổ thông, vận dụng vào việc rèn kỹ năng tổ chức thực hiện hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học cũng như triển khai, đánh giá, kết hợp các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

Lý thuyết 35 tiết      Thực hành 10 tiết

#### **10.8. Quản lý hành chính nhà nước và QL ngành GD và ĐT**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học được ban hành tại Quyết định số 33/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **10.9. Lịch sử văn minh thế giới**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về sự ra đời và tiến trình phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người như: văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á, Hy Lạp, La Mã và Phương Tây trên các lĩnh vực khoa học- kỹ thuật, văn hoá- nghệ thuật, tôn giáo...

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.10. Mỹ học đại cương****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về các phạm trù cơ bản của mỹ học như khách thể thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, các mối quan hệ thẩm mỹ và sự thể hiện của mỹ học trong đời sống như văn học nghệ thuật... từ đó có nền tảng tri thức nhất định về mỹ học để có thể đi sâu học những môn chuyên ngành khác có liên quan.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.11. Tin học****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học và máy tính điện tử, trang bị các kiến thức cơ bản về ứng dụng Tin học văn phòng. Rèn luyện kỹ năng quản lý, sử dụng máy tính, khai thác các ứng dụng Tin học văn phòng phục vụ học tập, giảng dạy và công tác trên các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Các nội dung chính: các kiến thức về tin học, máy tính điện tử, hệ điều hành; các kỹ thuật và kỹ năng soạn thảo văn bản; sử dụng bảng tính điện tử,...

Lý thuyết: 15 tiết      Thực hành: 15 tiết

**10.12. Ngoại ngữ****7 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm giáo dục phổ thông.

**10.13. Giáo dục thể chất****4 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học được ban hành tại Thông tư số 25/2015-TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**10.14. Giáo dục quốc phòng****165 tiết***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học được ban hành tại Thông tư số 31/2012-TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**10.15. Cơ sở văn hóa Việt Nam****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức chung về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hoá Việt Nam, các vùng văn hoá Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hoá học vào nghiên cứu văn chương.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.16. Dẫn luận ngôn ngữ****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, bản thể của ngôn ngữ, nguồn gốc của ngôn ngữ, mối quan hệ ngôn ngữ - tư duy, về hệ thống và các cấp độ, đơn vị của ngôn ngữ; những tri thức căn bản, mở đầu về các chuyên ngành nghiên cứu ngôn ngữ học như: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.17. Nguyên lý lý luận văn học****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức tổng quát, cơ bản về lý luận văn học (đặc trưng của văn học, quan hệ của văn học với hiện thực, chức năng và tính khuynh

hướng của văn học, quá trình tiếp nhận văn học...); rèn kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận văn học vào phân tích tác phẩm văn học cụ thể.

Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 0

**10.18. Tác phẩm văn học và thể loại văn học** **2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý lý luận văn học

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về tác phẩm văn học với các thành tố cơ bản như chủ đề, đề tài, nhân vật, tính cách, kết cấu, cốt truyện, giọng điệu, ngôn từ, thi pháp ...; những kiến thức lý luận về ba phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch), nguồn gốc, quá trình hình thành của các thể loại văn học qua các thời kì lịch sử; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận văn học vào phân tích tác phẩm văn học cụ thể.

Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 0

**10.19. Tiến trình văn học** **2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Tác phẩm văn học và thể loại văn học

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về tiến trình văn học, các trào lưu, trường phái, phương pháp sáng tác...

Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 0

**10.20. Văn học dân gian Việt Nam** **3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức khái quát về văn học dân gian trong mối quan hệ với văn hoá, những đặc trưng và giá trị cơ bản của văn học dân gian; các thể loại chủ yếu, các vùng và các thời kì phát triển của văn học dân gian Việt Nam; rèn kỹ năng tiếp cận và phân tích các tác phẩm văn học dân gian.

Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 15 tiết

**10.21. Văn học Việt Nam trung đại I (từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII)** **3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức khái quát về sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam: các bộ phận văn học, các giai đoạn phát triển, những thể loại chính, những nội dung chính, những tư tưởng thẩm mỹ chủ đạo; các hiện tượng văn học, sự kiện văn học, các tác giả tiêu biểu của văn học Lý - Trần, văn học thế kỷ XV, văn học thế kỷ XVI và thế kỷ XVII; rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0

**10.22. Văn học Việt Nam trung đại II (từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX)** **3TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam trung đại I

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX: trào lưu nhân đạo chủ nghĩa, những thành tựu lớn ở cả sáng tác chữ Hán và chữ Nôm, thành tựu nghệ thuật rực rỡ ở thể loại văn học dân tộc viết bằng ngôn ngữ dân tộc, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; tiếp tục rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0

**10.23. Văn học Việt Nam hiện đại I (từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930)** **2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam trung đại

Cung cấp những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh lịch sử, đặc điểm văn học, các bộ phận và khuynh hướng văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến 1930, những thành tựu và hạn chế, những tri thức về sự phát triển của tiếng Việt và sự đóng góp to lớn của chữ quốc ngữ đối với nền văn học hiện đại Việt nam. Rèn kỹ năng phân tích và cảm nhận các tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam trong giai đoạn này.

Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 0



**10.24. Văn học Việt Nam hiện đại II (từ 1930 đến 1945) 3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam hiện đại I

Cung cấp những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh lịch sử, đặc điểm văn học, các bộ phận và khuynh hướng văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn từ 1930 đến 1945. Rèn kỹ năng phân tích và cảm nhận các tác giả, tác phẩm trong giai đoạn này.

Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0

**10.25. Văn học Việt Nam hiện đại III (từ 1945 đến 1975) 3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam hiện đại II

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975: Những đặc điểm và quy luật của tiến trình văn học, những thể loại chính, những thành tựu và hạn chế, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975; tiếp tục rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam.

Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0

**10.26. Văn học Việt Nam hiện đại IV (từ 1975 đến nay) 2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam hiện đại III

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam sau 1975: những xu hướng, phong cách, thể loại, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam trong giai đoạn đất nước hòa bình, thống nhất, những triển vọng phát triển.

Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 0

**10.27. Văn học Trung Quốc 3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tiến trình văn học Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại trên các phương diện đặc trưng thể loại, các mô típ nhân vật, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học Việt Nam; rèn kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học Trung Quốc.

Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0

**10.28. Văn học Ấn Độ - Nhật Bản 3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về văn học Ấn Độ và văn học Nhật Bản nhằm giúp cho người học có nền tảng tri thức khái quát về lịch sử văn học và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Ấn Độ, Nhật Bản; rèn kỹ năng phân tích, tiếp cận, giảng dạy các tác phẩm văn học này trong trường phổ thông.

Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0

**10.29. Văn học Nga 2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tiến trình văn học Nga từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX trên các phương diện hệ vấn đề, các mô típ nhân vật, những khuynh hướng, phong cách, thể loại của những tác giả, tác phẩm tiêu biểu, những ảnh hưởng qua lại của văn học Nga đối với văn học Việt Nam; rèn kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học Nga.

Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 0

**10.30. Văn học phương Tây 1 (từ thời kỳ Cổ đại đến Phục hưng) 3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về thành tựu văn học các nước Tây Âu từ cổ đại đến thời kỳ Phục hưng, được trình bày theo trình tự: khái quát hoàn cảnh lịch sử; tình hình, đặc điểm văn học; các tác giả và tác phẩm tiêu biểu...

Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0

**10.31. Văn học phương Tây 2 (từ thế kỷ XVII – XXI)****3 TC***Điều kiện tiên quyết:* Văn học phương Tây 1

Nội dung học phần bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản về thành tựu văn học nước Tây Âu và Bắc Mỹ từ thế kỷ XVII - XXI, được trình bày theo trình tự: khái quát hoàn cảnh lịch sử; tình hình, đặc điểm văn học; các tác giả và tác phẩm tiêu biểu...

Lý thuyết: 45 tiết      Thực hành: 0

**10.32. Ngữ âm tiếng Việt****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Dẫn luận ngôn ngữ

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về ngữ âm tiếng Việt: hệ thống ngữ âm tiếng Việt, cấu trúc âm tiết, hệ thống âm vị, các giải pháp âm vị học cho những vấn đề hữu quan; vấn đề chính âm và chính tả tiếng Việt, luyện cho sinh viên các thao tác phân tích, nghiên cứu, xử lý các vấn đề của thực tiễn ngữ âm tiếng Việt.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.33. Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Ngữ âm tiếng Việt

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức từ vựng học tiếng Việt như: đơn vị từ vựng, cấu tạo từ, nghĩa của từ, các quan hệ trong trường nghĩa, các lớp từ tiếng Việt... và khuynh hướng phát triển của từ vựng tiếng Việt hiện nay.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.34. Ngữ pháp tiếng Việt****3 TC***Điều kiện tiên quyết:* Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Việt

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt như: các phạm trù ngữ pháp, phương thức ngữ pháp cơ bản, hệ thống từ loại tiếng Việt, cấu tạo cụm từ và câu tiếng Việt; rèn luyện kỹ năng nhận diện, phân tích và tạo lập các đơn vị ngữ pháp.

Lý thuyết: 45 tiết      Thực hành: 0

**10.35. Phong cách học tiếng Việt****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Ngữ pháp tiếng Việt

Nội dung môn học bao gồm những vấn đề cơ bản về phong cách học tiếng Việt như: khái niệm và đặc trưng của các phong cách chức năng, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt; rèn luyện cho người học nắm vững phương pháp và thao tác phân tích những hiện tượng cụ thể của phong cách học tiếng Việt.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.36. Văn bản tiếng Việt****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những vấn đề cơ bản về khái niệm, các quan hệ cơ bản giữa hình thức và nội dung văn bản, các loại hình văn bản, thực hành phân tích và tạo lập văn bản theo loại hình.

Lý thuyết: 15 tiết      Thực hành: 15 tiết

**10.37. Ngữ dụng học****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về dụng học như chiếu vật chỉ xuất, lập luận và hội thoại, lý thuyết giao tiếp và nghĩa tường minh - hàm ẩn...

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.38. Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm****2 TC***Điều kiện tiên quyết:* Không

Cung cấp những hiểu biết cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của chữ Hán và chữ Nôm, hệ thống và quy tắc viết chữ Hán và chữ Nôm.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.39. Văn bản Hán Nôm****3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Lược khảo về chữ Hán, chữ Nôm

Cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản Hán văn Trung Quốc, Hán văn Việt Nam, văn bản Nôm Việt Nam như nguyên tắc cấu tạo hệ thống văn tự, các quy tắc cú pháp, những tri thức thông thường về thể loại Hán, Nôm văn và những tri thức văn hóa có liên quan; tìm hiểu những văn bản Hán văn và văn bản Nôm có trong chương trình phổ thông.

Lý thuyết: 45 tiết      Thực hành: 0

**10.40. Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 1**

**3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Các học phần về Văn

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản và kỹ năng về phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản văn học: Lý luận dạy học Văn, phương pháp dạy học Văn trong nhà trường phổ thông, phương pháp thiết kế bài giảng và tổ chức các hoạt động dạy học.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 15

**10.41. Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2**

**3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Các học phần về tiếng Việt

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về lý luận, phương pháp dạy học phân môn Tiếng Việt, Tập làm văn trong nhà trường phổ thông, phương pháp thiết kế bài giảng và tổ chức các hoạt động dạy học.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 15

**10.42. Thực hành dạy học**

**3 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Các học phần Lý luận và PP dạy học Ngữ văn

Môn học nhằm rèn luyện những kỹ năng sư phạm cần thiết cho sinh viên như thiết kế giáo án, viết bảng, thực hành dạy học các nội dung Ngữ văn ở trường THPT và xử lý những tình huống nghiệp vụ sư phạm cần thiết, tổ chức các hoạt động dạy học chính khóa cũng như ngoại khóa.

Lý thuyết: 10 tiết      Thực hành: 30

**10.43. Phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học nhằm cung cấp những kiến thức chung về phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông, hình thành kỹ năng phân tích kiến thức lý luận cơ bản về phát triển chương trình, phân tích mục tiêu môn học, cách thức thiết kế phát triển chương trình và tài liệu tham khảo, sách giáo khoa Ngữ văn ở phổ thông.

Lý thuyết: 20 tiết      Thực hành: 10

**10.44. Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận và PP dạy học Ngữ văn.

Môn học nhằm rèn luyện những kỹ năng sư phạm cần thiết cho sinh viên Ngữ văn như năng lực cảm thụ, truyền, kích thích xúc cảm nghệ thuật ở học sinh, năng lực lập kế hoạch dạy học Ngữ văn, năng lực thiết kế các hoạt động dạy học Ngữ văn, năng lực tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn, năng lực sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại...

Lý thuyết: 20 tiết      Thực hành: 10

**10.45. Đánh giá trong dạy học Ngữ văn**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận và PP dạy học Ngữ văn.

Môn học nhằm rèn luyện kỹ năng phân tích, vận dụng kiến thức về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sử dụng thành thạo các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học và đối tượng học sinh.

Lý thuyết: 20 tiết      Thực hành: 10

**10.46. Hoạt động giao tiếp và giao tiếp tiếng Việt**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng giao tiếp tiếng Việt (nói – viết; ngôn ngữ thành lời – ngôn ngữ cử chỉ) trong đời sống gia đình cũng như xã hội và rèn luyện, hoàn thiện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho sinh viên ở cấp độ cao.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

#### **10.47. Thi pháp học**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Các học phần Lý luận văn học

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về thi pháp như: quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, ngôn ngữ... giúp người học có thể đi sâu nghiên cứu và cảm thụ tác phẩm văn học từ các bình diện của thi pháp.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

#### **10.48. Từ Hán Việt với việc giảng dạy Ngữ văn ở THPT**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về nội dung từ Hán Việt trong chương trình THPT từ đó có định hướng và phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm phát triển vốn từ và nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh.

Lý thuyết: 25 tiết      Thực hành: 5 tiết

#### **10.49. Ngữ pháp chức năng**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt theo quan điểm chức năng như các thành phần câu, nghĩa của câu, các quan hệ ngữ pháp cơ bản theo quan niệm ngữ pháp chức năng... nhằm giúp cho sinh viên có hiểu biết cơ bản về quan điểm ngữ pháp chức năng của tiếng Việt.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

#### **10.50. Tiếng Việt ở nhà trường phổ thông**

**2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Học xong các học phần Tiếng Việt

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về môn học Tiếng Việt ở nhà trường phổ thông như mục tiêu, định hướng dạy học, quan điểm xây dựng chương trình, chương trình Tiếng Việt ở nhà trường phổ thông và những vấn đề về đổi mới dạy học Tiếng Việt ở phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn mới.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

#### **10.51. Văn học nước ngoài trong nhà trường phổ thông**

**2TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Các học phần Văn học nước ngoài

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí, kết cấu chương trình văn học nước ngoài ở nhà trường phổ thông và hướng dẫn cách cảm nhận, giảng dạy các tác phẩm văn học nước ngoài trong chương trình phổ thông.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

#### **10.52. Thi pháp thơ Đường**

**2TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Trung Quốc

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về thi pháp học và các bình diện thi pháp đặc trưng của thơ Đường như thời gian, không gian nghệ thuật, quan niệm nghệ thuật về con người, ngôn ngữ thơ...

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

#### **10.53. Thi pháp tiểu thuyết phương Tây**

**2TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học phương Tây

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về đặc trưng thi pháp cơ bản và giới thiệu một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của tiểu thuyết phương Tây.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

#### **10.54. Tiếp nhận văn học**

**2TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Tác phẩm và thể loại văn học

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về bạn đọc, chủ thể tiếp nhận văn học như quan niệm về sự tiếp nhận của người đọc; vai trò của người đọc trong hoạt động văn học; các loại người đọc; vận dụng lý thuyết tiếp nhận trong dạy học Văn ở trường phổ thông.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.55. Đặc trưng truyện ngắn Anh Mỹ** **2TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học phương Tây

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngắn và giới thiệu một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của truyện ngắn Anh - Mỹ.

Lý thuyết: 30 tiết      Thực hành: 0

**10.56. Thực tế chuyên môn** **1 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung môn học thông qua hoạt động tham quan, nghiên cứu thực địa các trung tâm văn hóa, văn học, các bảo tàng, nhà truyền thống tiêu biểu của Việt Nam để gắn lý thuyết với thực tế, thu thập thêm những kiến thức mới về văn học và văn hóa.

Lý thuyết: 0 tiết      Thực hành: 15 tiết

**10.57. Kiến tập sư phạm** **2 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Tâm lý học, Giáo dục học.

Củng cố và khắc sâu lý thuyết các học phần tâm lý học, giáo dục học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong kiến tập sư phạm: tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở THPT, tập làm công tác dạy học, công tác chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành Tâm lý – Giáo dục.

**10.58. Thực tập sư phạm** **6 TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Kiến tập sư phạm; Các học phần LL và PP dạy học Ngữ văn

Củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh, tiếp tục rèn luyện các kỹ năng dạy học.

**10.59. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế** **7 TC**

**10.59.1. Những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học VN và thế giới** **4TC**

*Điều kiện tiên quyết:* Văn học Việt Nam và văn học thế giới

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam và thế giới, củng cố kiến thức lý luận văn học, văn hóa. Hình thành, phát triển năng lực đọc và năng lực dạy học, xác định loại hình, hệ thống hóa các dạng thức văn bản tác phẩm văn học thuộc các thể loại văn xuôi, kịch, thơ, từ góc độ thi pháp học văn bản, văn hóa học.

Lý thuyết: 60 tiết      Thực hành: 0

**10.59.2. Ngôn ngữ và văn học** **3TC**

*Điều kiện tiên quyết:* các học phần về Tiếng Việt

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học, từ đó rèn luyện cho người học phương pháp giải mã tác phẩm văn học từ góc độ ngôn ngữ.

Lý thuyết: 45 tiết      Thực hành: 0

**11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình**

**11.1. Danh sách giảng viên cơ hữu**

| TT | Họ và tên         | Năm sinh | VB cao nhất, ngành ĐT | Học phần giảng dạy |
|----|-------------------|----------|-----------------------|--------------------|
| 1  | Mai T. Liên Giang | 1975     | GVC.TS. Ngữ           | Lý luận văn học    |

| TT | Họ và tên              | Năm sinh | VB cao nhất, ngành ĐT | Học phần giảng dạy  |
|----|------------------------|----------|-----------------------|---|
|    |                        |          | Văn                   | Mỹ học đại cương<br>Phương pháp NCKH  |
| 2  | Nguyễn Thị Nga         | 1962     | GVC.TS. Ngữ Văn       | Mỹ học đại cương<br>Lý luận văn học<br>Lý luận và PPDH                      |
| 3  | Dương Ánh Tuyết        | 1976     | TS. Ngữ Văn           | Cơ sở văn hóa VN<br>Văn học phương Tây<br>Văn học Việt Nam                  |
| 4  | Phan Văn Phúc          | 1959     | TS. Ngôn ngữ học      | Hoạt động GT&GT TV<br>Ngữ âm TV<br>Ngữ pháp chức năng<br>Ngữ dụng học       |
| 5  | Nguyễn Thị Quế Thanh   | 1975     | ThS. Ngữ Văn          | Văn học Châu Á<br>Văn học Trung Quốc<br>Văn học Việt Nam                    |
| 6  | Lương Hồng Văn         | 1962     | ThS. Ngữ Văn          | Lý luận văn học<br>Văn học Việt Nam   |
| 7  | Đỗ Thuỳ Trang          | 1982     | ThS. Ngôn ngữ học     | Dẫn luận ngôn ngữ<br>Từ vựng ngữ nghĩa TV<br>Ngữ pháp TV<br>LL&PPDH Ngữ văn |
| 8  | Trương Thị Thanh Thoài | 1968     | Th.S LL&PPDH          | Cơ sở văn hóa<br>Tiếng Việt<br>LL&PPDH Tiếng Việt                           |
| 9  | Trần Thị Mỹ Hồng       | 1972     | ThS. Văn học          | Văn học Việt Nam<br>LL&PPDH Ngữ văn   |
| 10 | Nguyễn Thị Hoài An     | 1986     | ThS. Văn học          | Văn học Việt Nam<br>Lược khảo chữ Hán<br>Văn bản Hán Nôm                    |
| 11 | Hoàng Thị Ngọc Bích    | 1985     | ThS. Văn học          | Cơ sở văn hóa Việt Nam  |

## 12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 12.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm

- Trường Đại học Quảng Bình có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành 2 khu vực với diện tích 45 ha. Hiện tại, Nhà trường có 48 phòng học đạt chuẩn trong 4 nhà cao tầng với tổng diện tích là 18.000 m<sup>2</sup> (không có phòng học cấp 4); có 04 phòng máy tính gồm 150 máy phục vụ giảng dạy và 35 máy phục vụ công tác quản lý nối mạng Internet tốc độ cao; Có 2 phòng học tiếng nước ngoài; Có 04 phòng thí nghiệm Hóa, Sinh, có vườn thực nghiệm; Các thiết bị dạy học như projector, overhead, đầu đĩa,..., hệ thống thiết bị nghe nhìn, ấn loát đủ phục vụ cho công tác đào tạo, thông tin tuyên truyền và sinh hoạt văn hóa.

### 12.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Quảng Bình có hơn 80.000 cuốn sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có gần 53.000 sách tham khảo, 27.000 sách giáo trình và hơn 35 tạp chí chuyên ngành. Ngoài

ra Thư viện tỉnh Quảng Bình có khá nhiều sách, tạp chí phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

### 12.3. Giáo trình, bài giảng

| TT  | Tên giáo trình, bài giảng  | Tên tác giả                    | Nhà XB   | Năm XB |
|-----|--|--------------------------------|----------|--------|
| 1.  | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học                             | Vũ Cao Đàm                     | KH&KT    | 1998   |
| 2.  | Mỹ học đại cương   | Lê Văn Dương, Lê Đình Lục      | Giáo dục | 1999   |
| 3.  | Mỹ học Mác- Lênin  | Đỗ Văn Khang, Đỗ Huy           | Giáo dục | 1995   |
| 4.  | Nhập môn khoa học giao tiếp                                      | Nguyễn Sinh Huy                | Giáo dục | 2005   |
| 5.  | Cơ sở văn hoá Việt Nam   | Trần Ngọc Thêm                 | Giáo dục | 1999   |
| 6.  | Ngữ văn Hán Nôm  | Đặng Đức Siêu                  | Giáo dục | 1995   |
| 7.  | Ngữ văn Hán Nôm  | Đặng Đức Siêu, Nguyễn Ngọc San | Giáo dục | 1995   |
| 8.  | Một số vấn đề về chữ Nôm   | Nguyễn Tài Cẩn                 | ĐH&THCN  | 1985   |
| 9.  | Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm                                       | Đặng Đức Siêu                  | Giáo dục | 1998   |
| 10. | Lý luận văn học, tập 1   | Phương Lựu                     | Giáo dục | 2002   |
| 11. | Lý luận văn học, tập 2   | Trần Đình Sử                   | ĐHSP HN  | 2005   |
| 12. | Lý luận văn học, tập 3   | Trần Đình Sử                   | ĐHSP HN  | 2005   |
| 13. | Lý luận văn học  | Hà Minh                        | Giáo dục | 1999   |
| 14. | Văn học dân gian Việt Nam  | Đình Gia Khánh                 | Giáo dục | 1996   |
| 15. | Văn học Việt Nam từ thế kỷ X-XVII                                | Đình Gia Khánh                 | Giáo dục | 1997   |
| 16. | Lịch sử văn học Việt Nam, tập 2                                  | Bùi Văn Nguyên                 | Giáo dục | 1998   |
| 17. | Văn học Việt Nam (Nửa cuối thế kỷ X VIII, nửa đầu thế kỷ XIX)    | Nguyễn Lộc                     | ĐH&THCN  | 1978   |
| 18. | Văn học Việt Nam 1900 - 1945                                     | Phan Cự Đệ                     | Giáo dục | 2000   |
| 19. | Giáo trình văn học Việt Nam 1930-1945                            | Nguyễn Đăng Mạnh               | ĐHSP HN  | 1995   |
| 20. | Văn học Việt Nam sau 1975 nghiên cứu và giảng dạy                | Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn  | Giáo dục | 2007   |
| 21. | Văn học Trung Quốc   | Trương Chính, Nguyễn Khắc Phi  | Giáo dục | 1998   |
| 22. | Lịch sử văn học Trung Quốc (những tác gia và tác phẩm tiêu biểu) | Trần Xuân Đề                   | Giáo dục | 2002   |
| 23. | Lịch sử văn học Trung Quốc hiện đại                              | Đường Thao                     | Giáo dục | 2000   |
| 24. | Văn học Nhật Bản   | Phan Nhật Chiêu                | Giáo dục | 2003   |
| 25. | Văn học các nước Đông Nam Á                                      | Đức Ninh                       | ĐHQG     | 2002   |
| 26. | Văn học Ấn Độ  | Lưu Đức Trung                  | Giáo dục | 2000   |

|     |  |  |            |      |
|-----|--|--|------------|------|
| 27. | Giáo trình Văn học phương Tây                                    | Phùng Văn Tửu                          | Giáo dục   | 1997 |
| 28. | Lịch sử văn học Nga, tập 1                                       | Nhiều tác giả                          | ĐH&GDCN    | 1992 |
| 29. | Lịch sử văn học Nga, tập 2                                       | Nhiều tác giả                          | ĐH&GDCN    | 1990 |
| 30. | Ngữ pháp tiếng Việt  | Diệp Quang Ban                         | Giáo dục   | 2005 |
| 31. | Từ loại tiếng Việt   | Lê Biên                                | ĐHSP HN    | 1996 |
| 32. | Ngữ pháp tiếng Việt  | Nguyễn Tài Cẩn                         | ĐHQGHN     | 2004 |
| 33. | Ngữ dụng học tập 1   | Nguyễn Đức Dân                         | Giáo dục   | 2001 |
| 34. | Tiếng Việt- Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa               | Cao Xuân Hạo                           | Giáo dục   | 2004 |
| 35. | Tiếng Việt- Sơ thảo Ngữ pháp chức năng                           | Cao Xuân Hạo                           | Giáo dục   | 2004 |
| 36. | Giáo trình ngữ dụng học  | Đỗ Thị Kim Liên                        | ĐHQGHN     | 2005 |
| 37. | Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt                                   | Bùi Minh Toán                          | ĐHSP       | 2007 |
| 38. | Đại cương ngôn ngữ học   | Đỗ Hữu Châu                            | Giáo dục   | 2001 |
| 39. | Ngữ âm học tiếng Việt  | Đoàn Thiện Thuật                       | ĐHQG       | 1998 |
| 40. | Tiếng Việt đại cương - Ngữ âm                                    | Bùi Minh Toán, Đặng Thị Lanh           | ĐHSP HN    | 2001 |
| 41. | Từ vựng ngữ nghĩa  | Đỗ Hữu Châu                            | Giáo dục   | 2005 |
| 42. | Giáo trình Từ vựng học tiếng Việt                                | Đỗ Hữu Châu                            | ĐHSP       | 2004 |
| 43. | Giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học                                 | Hoàng Dũng- Bùi Mạnh Hùng              | ĐHQG TPHCM |      |
| 44. | Từ vựng học tiếng Việt   | Nguyễn Thiện Giáp                      | Giáo dục   | 2002 |
| 45. | Từ Hán Việt và việc giảng dạy từ Hán Việt trong SGK Ngữ văn THCS | Lê Xuân Thại                           | Giáo dục   | 2005 |
| 46. | Phong cách học tiếng Việt  | Đinh Trọng Lạc                         | Giáo dục   | 1998 |
| 47. | Phân loại từ ngữ theo quan điểm phong cách chức năng             | Nguyễn Thái Hoà                        | KHXH       | 1998 |
| 48. | Ngữ dụng học   | Nguyễn Đức Dân                         | Giáo dục   | 2001 |
| 49. | Văn bản và liên kết trong tiếng Việt                             | Diệp Quang Ban                         | Giáo dục   | 1999 |
| 50. | Ngữ pháp văn bản   | Diệp Quang Ban                         | Giáo dục   | 1996 |
| 51. | Phương pháp dạy học tiếng Việt                                   | Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán | ĐHSP       | 2001 |
| 52. | Phương pháp dạy học tiếng Việt                                   | Lê A, Nguyễn Xuân Soạn                 | ĐHSP       | 2002 |
| 53. | Đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn ở Trường Đại học, Cao đẳng   | BGDĐT - Dự án đào tạo giáo viên PT     | Bộ GDĐT    | 2000 |
| 54. | Bộ Sách giáo khoa Ngữ văn từ lớp 10 đến lớp 12                   | Nhiều tác giả                          | Giáo dục   | 2015 |
| 55. | Giáo dục nghiệp vụ sư phạm đào tạo giáo viên phổ thông           | Hoàng Tiến Chính                       | ĐHSP       | 2006 |



|     |   |                     |             |      |
|-----|---|---------------------|-------------|------|
|     | môn Ngữ văn   |                     |             |      |
| 56. | Giáo trình phương pháp dạy học Ngữ văn  | Nguyễn Thanh Hùng   | ĐHSP        | 2007 |
| 57. | Vận dụng lý thuyết kiến tạo vào quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá học phần Ngữ pháp tiếng Việt | Ngô Văn Cảnh        | ĐHSP        | 2007 |
| 58. | Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại  | Trần Đình Hượu      | Giáo dục    | 2000 |
| 59. | Đặc trưng văn học Việt Nam trung đại  | Lê Trí Viễn,        | KHXH        | 1996 |
| 60. | Truyện ngắn, những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại   | Bùi Việt Thắng      | Hội Nhà văn | 2006 |
| 61. | Truyện ngắn Việt Nam hiện đại giai đoạn 1945-1975   | Hoả Diệu Thuý       | Hội Nhà văn | 2007 |
| 62. | Thi pháp thơ Đường  | Nguyễn Thị Bích Hải | Thuận Hóa   | 1997 |

### 13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Ngữ văn được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người đọc đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Khối lượng kiến thức toàn chương trình được thiết kế gồm 125 TC chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng, phù hợp với chương trình giáo dục đại học 4 năm.

- Trên cơ sở chương trình giáo dục đại học, các bộ môn xây dựng chương trình chi tiết môn học, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định, phê duyệt theo thủ tục quy trình xem xét, cập nhật hiệu chỉnh chương trình đào tạo vào đầu năm học mới. Chương trình được biên soạn theo hướng tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên thực hành, đọc tài liệu, tự nghiên cứu.

- Chương trình phải đảm bảo trang bị cho sinh viên những kiến thức vừa đáp ứng được những yêu cầu mang tính phổ cập của giáo dục đại học, vừa đáp ứng được yêu cầu chuyên sâu của chuyên ngành. Cần tránh những vấn đề, những kiến thức mang tính lý thuyết quá cao xa, nặng tính hàn lâm, ít bổ ích thực tế. Dành thời gian thích đáng cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Tận dụng những tiết học có hướng dẫn, nhưng không phải tiết lý thuyết như thực địa, cermina để hướng dẫn cho sinh viên chủ động hoạt động chiếm lĩnh kiến thức. Trong khi dạy các học phần chuyên môn, chú ý vận dụng các lý thuyết mới để nghiên cứu, làm rõ hơn một số vấn đề về nội dung hoặc phương pháp dạy học ở trường THPT. Cần tổ chức một số buổi cermina về những vấn đề có liên quan đến vấn đề đổi mới về phương pháp, nội dung chương trình ở THPT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS. TS. Hoàng Dương Hùng**